

Số: 62642/CT-TTHT
V/v trả lời chính sách thuế

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2107

Kính gửi: Cục Công nghệ Thông tin - Ngân hàng nhà nước Việt Nam

MST: 0102062069

(Đơn vị nhận công văn: Ban quản lý dự án phần mềm thiết kế mẫu tiền của Cục
Phát hành và kho quỹ)

Địa chỉ: Số 64 Phố Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội)

Trả lời công văn số 78/BQLDA ngày 22/08/2017 của Cục Công nghệ Thông tin - Ngân hàng nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là đơn vị) hỏi về chính sách thuế nhà thầu, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 13, khoản 21 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng hướng dẫn về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao, nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp."

"21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị."

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật."

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 hướng dẫn đối tượng áp dụng:

"Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):"

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu...”

+ Tại khoản 4 Điều 2 hướng dẫn đối tượng không áp dụng áp dụng:

“4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ dưới đây cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ được thực hiện ở nước ngoài:

...

- Đào tạo (trừ đào tạo trực tuyến);...”

+ Tại Khoản 3 Điều 7 hướng dẫn thu nhập từ bản quyền:

“- Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).”

+ Tại Điều 11 hướng dẫn đối tượng và điều kiện áp dụng:

“ Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

+ Tại Điều 12 hướng dẫn về việc tính thuế thuế giá trị gia tăng:

“ Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế Giá trị gia tăng}}{\text{Thuế Giá trị gia tăng}} \times \text{Tỷ lệ \% để tính thuế GTGT trên doanh thu}$$

...

1. Doanh thu tính thuế GTGT

a) Doanh thu tính thuế GTGT:

Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5

+ Tại Điều 13 hướng dẫn về việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp

“ Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & & \text{Doanh thu} & & \text{Tỷ lệ thuế TNDN} \\ \text{TNDN} & = & \text{tính thuế} & \times & \text{tính trên doanh thu} \\ \text{phải nộp} & & \text{TNDN} & & \text{tính thuế} \end{array}$$

1. Doanh thu tính thuế TNDN

a) Doanh thu tính thuế TNDN

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng: - Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10



	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2
8	Thu nhập bản quyền	10

...”

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp đơn vị ký Hợp đồng số PMU-JURA/2016/Package # 1 với Công ty Jura JSP GmbH (sau đây gọi tắt là Nhà thầu nước ngoài) về việc mua phần mềm thiết kế mẫu tiền, dịch vụ đào tạo để sử dụng phần mềm (vừa thực hiện tại Việt Nam, vừa thực hiện ở nước ngoài) và các dịch vụ có liên quan, tổng giá trị của hợp đồng là 453.190,20 EUR và 50.000.000 VND (đã bao gồm thuế nhà thầu) thì khi khấu trừ thuế nhà thầu (GTGT, TNDN) của Nhà thầu nước ngoài, doanh thu tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trường hợp trong hợp đồng tách riêng giá trị phần mềm, giá trị dịch vụ đào tạo và các dịch vụ liên quan thì đơn vị thực hiện xác định số thuế GTGT, TNDN riêng đối với từng hoạt động, cụ thể:

- Đối với bản quyền phần mềm:
 - + Thuế GTGT: thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.
 - + Thuế TNDN: tỷ lệ 10% trên doanh thu tính thuế.
- Đối với dịch vụ đào tạo sử dụng phần mềm và các dịch vụ có liên quan:
 - + Thuế GTGT: tỷ lệ 5% trên doanh thu tính thuế.
 - + Thuế TNDN: tỷ lệ 5% trên doanh thu tính thuế.

Trường hợp còn vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với P. kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề đơn vị được biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2).



Mai Sơn